CTCP Vinpearl (HSX: VPL)

FireAnt

Ngày 31/12/2025	94,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.5%	**26.3%**	**17.3%**

2025

ROE 3.3%

+/- YoY
▼ 8.1%

Q4/25

DT thuần 6,525 *tỷ VNĐ*

QoQ
▲ 3,424
▲ 110%

2025

DT thuần 15,539 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 1,163
▲ 8.1%

Q4/25

LN gộp 3,022 *tỷ VNĐ*

QoQ
▲ 2,203
▲ 269%

2025

LN gộp 5,427 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 2,564
▲ 89.6%

Q4/25

LN thuần 526 *tỷ VNĐ*

QoQ
▲ 381
▲ 263%

2025

LN thuần 1,105 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 2,000
▼ 64.4%

Q4/25

LN sau thuế 703 *tỷ VNĐ*

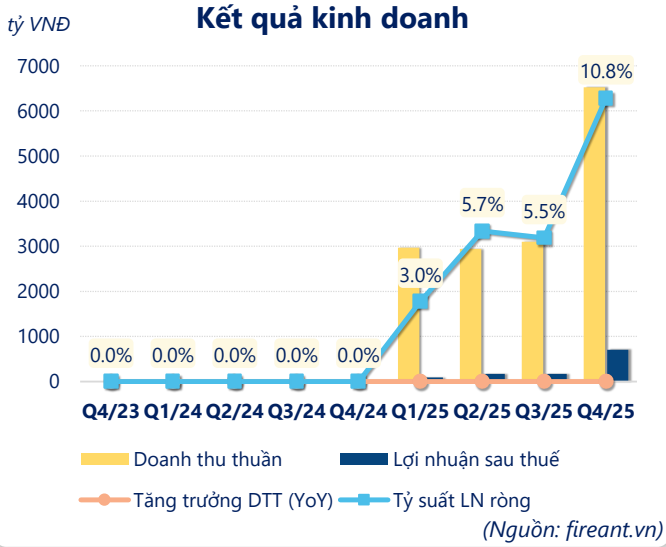
QoQ
▲ 534
▲ 316%

2025

LN sau thuế 1,131 *tỷ VNĐ*

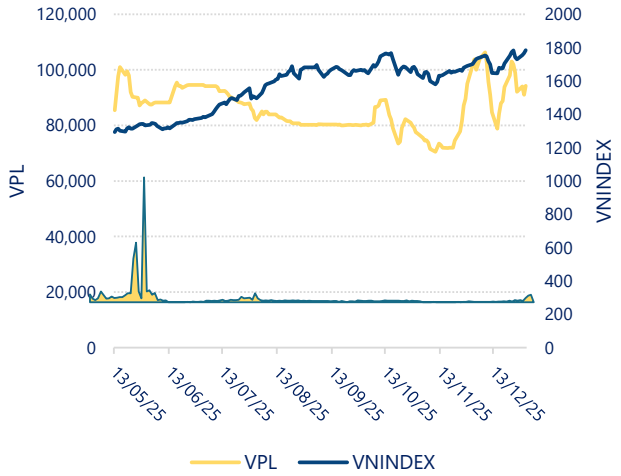
YoY
▼ 1,419
▼ 55.7%

Kết quả kinh doanh



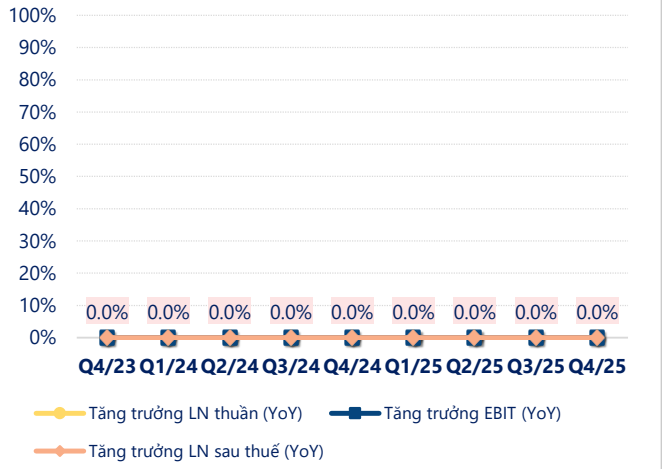
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



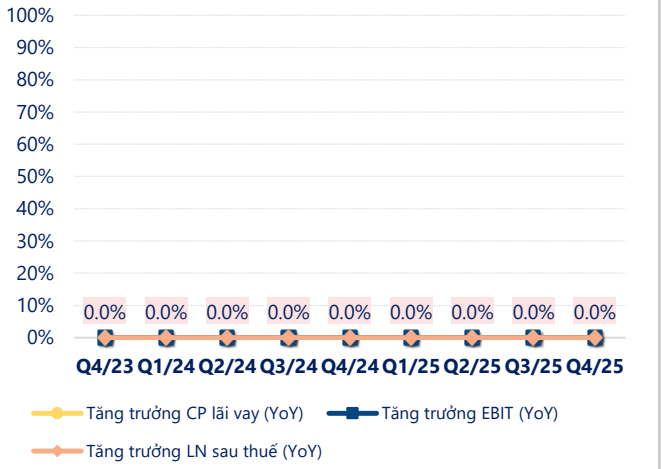
CTCP Vinpearl (HSX: VPL)

Tăng trưởng lợi nhuận



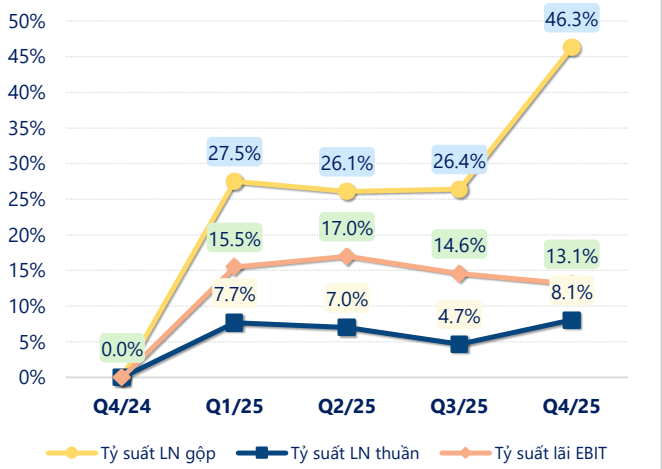
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



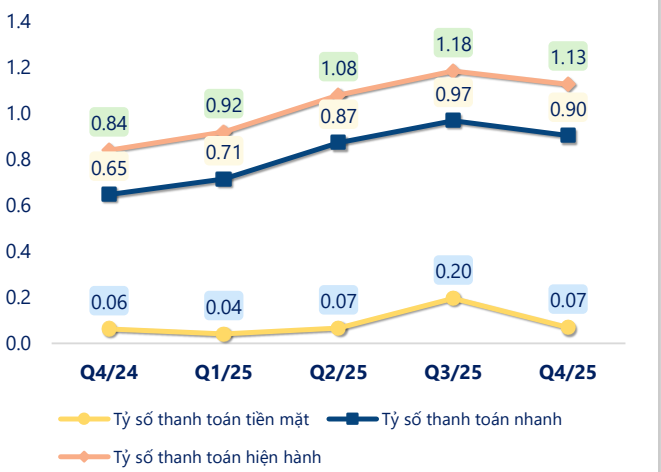
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



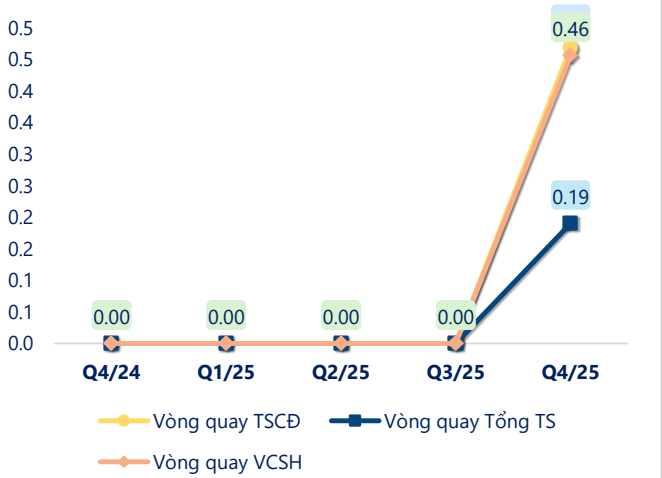
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



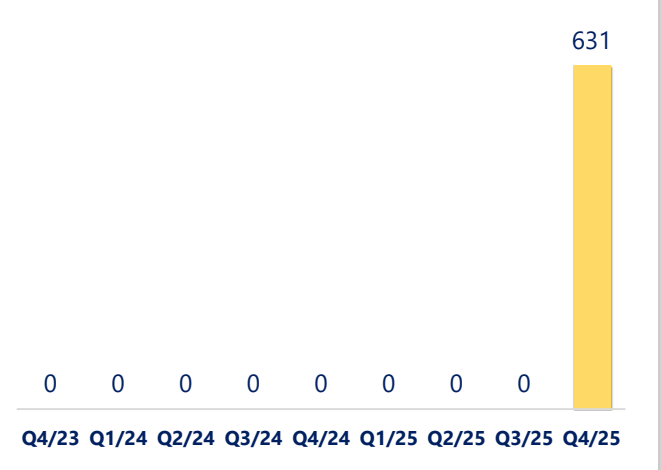
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

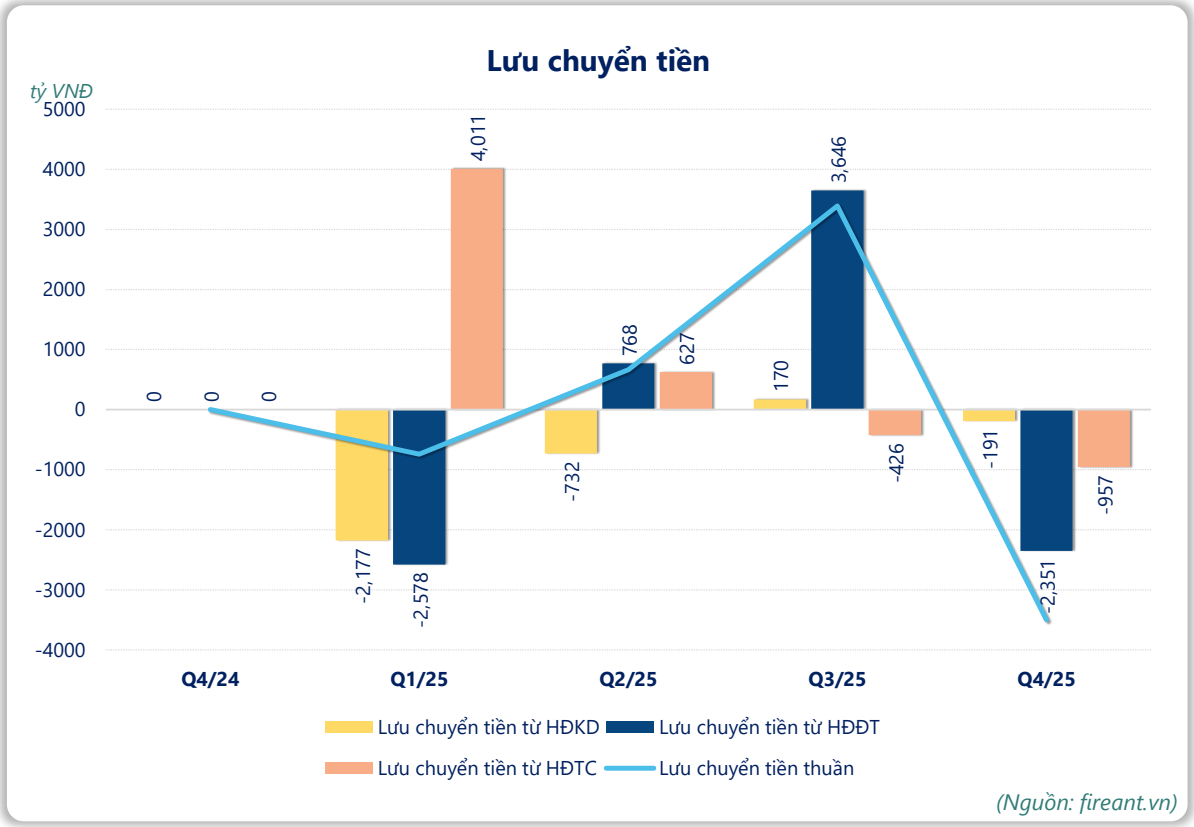


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Vinpearl (HSX: VPL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6,525**			**15,539**	**14,376**	**8.1%**
Giá vốn hàng bán	3,503			10,112	11,513	-12.2%
Lợi nhuận gộp	3,022			5,427	2,863	89.6%
Doanh thu HĐTC	472			1,961	4,264	-54.0%
Chi phí TC	2,243			3,685	1,740	112%
Chi phí lãi vay	336			1,221	1,326	-7.9%
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	43.9			527	618	-14.7%
Chi phí QLDN	**681**			**2,071**	**1,664**	**24.4%**
LN thuần từ HĐKD	526			1,105	3,105	-64.4%
Lợi nhuận khác	**-6.17**			**-59.4**	**-165**	**64.0%**
LN trước thuế	520			1,046	2,940	-64.4%
Lợi nhuận sau thuế	**703**			**1,131**	**2,550**	**-55.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**703**			**1,131**	**2,550**	**-55.7%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)